

Số: /BC-UBND

Tuy Phước, ngày tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả sản xuất nông nghiệp năm 2021 và kế hoạch sản xuất trồng trọt vụ Đông Xuân 2021- 2022 và cả năm 2022

Thực hiện Công văn số 2510/SNN-TrTrBVTV ngày 27/9/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Định về việc phối hợp xây dựng kế hoạch triển khai sản xuất vụ Đông Xuân 2021-2022, UBND huyện Tuy Phước báo cáo một số nội dung như sau:

I. Kết quả sản xuất trồng trọt năm 2021

1. Diện tích gieo trồng các cây trồng chính năm 2021

1.1. Cây lúa:

** Diện tích*

Cây hàng năm được gieo trồng 18.685,4 ha, tăng 0,02% so cùng kỳ; trong đó: Lúa được gieo trồng 14.930,5 ha, giảm 0,46% so cùng kỳ, năng suất bình quân ước đạt 71,1 tạ/ha, tăng 0,4 tạ/ha so cùng kỳ (vụ Đông Xuân: năng suất 75,5 tạ/ha, tăng 1,5 tạ/ha; Hè Thu 66,5 tạ/ha, giảm 0,7 tạ/ha). Sản lượng lúa cả năm ước đạt: 106.138 tấn, tăng 0,14% so với cùng kỳ.

Tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện cánh đồng mẫu lớn, cánh đồng lớn, cánh đồng liên kết là 2.739,6 ha. (vụ Đông Xuân 2020-2021 với 1.399,4 ha, Vụ Hè Thu 2021 với 1.340,2 ha), trong đó diện tích cánh đồng lớn, cánh đồng liên kết là 1.492 ha. (ở các xã P/Hưng, P/Quang, P/Sơn, P/Lộc, P/Thuận, P/Thắng, P/Hiệp). Trên diện tích cánh đồng mẫu lớn, cánh đồng lớn, cánh đồng liên kết đã thực hiện liên kết sản xuất giống với các công ty là 1.244,8 ha (vụ Đông Xuân 1.096,8 ha, vụ Thu 148 ha, gồm các giống chủ lực: BC15, ĐV 108, Q5, ADI28).

** Về thời vụ:*

Trên cơ sở khung thời vụ của tỉnh, địa phương đã chủ động bố trí thời vụ gieo sạ linh hoạt theo từng vùng, từng cánh đồng tùy theo diễn biến thời tiết và tình hình thực tế nên đã giảm thiểu thiệt hại trên đồng ruộng. Thời vụ cụ thể như sau:

+ Vụ Đông Xuân: Bắt đầu gieo sạ từ ngày 10/12/2020, kết thúc gieo sạ cuối tháng 12/2020.

+ Vụ Thu: bắt đầu từ ngày 10/5/2021, kết thúc gieo sạ cuối tháng 5/2021. Riêng Phước Thành, Phước An đối với vùng sản xuất nước hồ và trạm bơm thì thu hoạch lúa Đông Xuân đến đâu gieo sạ đến đó, bắt đầu từ ngày 20/4/2021).

** Về cơ cấu giống:*

Cơ cấu giống lúa được bố trí phù hợp với sản xuất 2 vụ/năm, chủ yếu sử dụng các giống lúa thuần trung ngày, năng suất cao ổn định chiếm cơ cấu chủ lực trong năm, tập trung các giống: ĐV 108, Khang dân đột biến, BC 15, ĐB6, VT-NA2, Q5, TBR1, TBR 225, ADI 28... lúa lai TH 3-3.

1.2. Cây trồng cạn:

Cây trồng cạn được gieo trồng 3.755 ha, đạt 99,28 % kế hoạch năm, tăng 2% so cùng kỳ. Trong đó:

- *Cây ngô*: 356,1 ha đạt 94,96% kế hoạch năm, tăng 11,35% so cùng kỳ. Năng suất ước đạt 61,3 tạ/ha, sản lượng 2.184,6 tấn.

- *Cây lạc*: Diện tích 266,3 ha, đạt 89,07 % KH, giảm 7,22% so với cùng kỳ. Năng suất ước đạt 31,3 tạ/ha, sản lượng 834 tấn.

- *Cây Mè*: Diện tích 145,2 ha (vụ Đông Xuân: 36.5ha, vụ Hè Thu: 108,7 ha), đạt 109,17 % KH, tăng 18,34% so cùng kỳ. Năng suất ước đạt 10,9 tạ/ha, sản lượng 158,4 tấn.

- *Rau các loại*: Diện tích 2.143,6 ha, đạt 100,17 % so kế hoạch, tăng 0,3 ha so với cùng kỳ. Năng suất ước đạt 122,98 tạ/ha, sản lượng 2.184,6 tấn.

- *Cây Mỳ*: Diện tích 17 ha, đạt 68 % so kế hoạch, giảm 22,73% so cùng kỳ. Năng suất ước đạt 194,4 tạ/ha, sản lượng 330,5 tấn.

- *Đậu các loại*: Diện tích 51,5 ha, đạt 73,57 % so kế hoạch, giảm 26,64% so với cùng kỳ. Năng suất ước đạt 12,66 tạ/ha, sản lượng 65,2 tấn.

Ngoài ra các loại cây khác 775,2 ha (đậu tương 9,2 ha, gia vị 114 ha, cỏ chăn nuôi 516,4 ha, hoa các loại 135,6 ha).

2. Tình hình tiêu thụ, giá cả nông sản:

** Đối với cây lúa:*

Đã xây dựng được các cánh đồng mẫu lớn, cánh đồng lớn, cánh đồng liên kết với hình thức liên kết “4 Nhà”, nhất là liên kết sản xuất lúa giống đã đem lại hiệu quả kinh tế cao (Công ty, doanh nghiệp thu mua 1 kg lúa giống tương đương 1,25 – 1,3 kg lúa thịt cùng loại giống, cùng thời điểm).

Trên diện tích cánh đồng mẫu lớn, cánh đồng lớn, cánh đồng liên kết đã thực hiện liên kết sản xuất giống với các công ty là 1.244,8 ha (vụ Đông Xuân 1.096,8 ha, vụ Thu 148 ha, gồm các giống chủ lực: BC15, ĐV 108, Q5, ADI28), thu mua cung ứng được hơn 5.000 tấn mang lại lợi nhuận tăng thêm cho nông dân khoảng 9 tỷ đồng. Đối với sản lượng còn lại, người dân sản xuất ra tự tiêu thụ trong dân, phần còn lại bán cho nhà máy.

Giá bán lúa vụ Đông Xuân 2020-2021 trung bình 7.500đ/kg, giá bán lúa vụ Hè Thu 2021 trung bình 6.000đ/kg.

** Đối với cây trồng cạn*

Sản lượng sản xuất chủ yếu phục vụ nhu cầu trong cuộc sống, phần dư còn lại bán cho thương lái.

Giá bán các sản phẩm cây trồng cận ổn định so với năm 2020, riêng cây rau vụ Hè Thu 2021 giá bán thấp hơn cùng kì năm trước 50-60%.

3. Những thuận lợi, khó khăn

**Thuận lợi*

Đã tập trung tham mưu lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn nông dân sản xuất, trên địa bàn huyện chỉ đạo sản xuất 2 vụ lúa/năm, thực hiện dịch chuyển lịch thời vụ, cơ cấu giống với cơ cấu mùa vụ phù hợp với tình hình thời tiết từng vụ trong năm 2021.

Đã xây dựng được các cánh đồng mẫu lớn, cánh đồng lớn, cánh đồng liên kết với hình thức liên kết “4 Nhà”, nhất là liên kết sản xuất lúa giống đã đem lại hiệu quả kinh tế cao (Công ty, doanh nghiệp thu mua 1 kg lúa giống tương đương 1,25 – 1,3 kg lúa thịt cùng loại giống, cùng thời điểm). Tổ chức thực hiện các cánh đồng lớn ở các xã: Phước Hưng, Phước Quang, Phước Sơn, Phước Lộc; cánh đồng liên kết tại Phước Thuận, Phước Thắng, Phước Hiệp.

Tăng cường áp dụng có hiệu quả các mô hình khuyến nông đã triển khai đạt hiệu quả kinh tế cao, bền vững như: sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật đảm bảo an toàn môi trường, an toàn dịch bệnh; sử dụng máy ép rơm làm rơm cuộn (đã tận thu được phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn cho trâu, bò, làm nguyên liệu trồng nấm; ...); bên cạnh đó, cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp, nhất là ở khâu làm đất, khâu thu hoạch đã tiết kiệm được nhiều thời gian và chi phí. Như vậy, nhờ áp dụng các mô hình khuyến nông và cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp đã góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất, đảm bảo dân sinh và phát triển sản xuất.

Công tác bảo vệ thực vật được tăng cường và tình hình dịch bệnh cây trồng được kiểm tra, theo dõi chặt chẽ, hướng dẫn phòng trừ kịp thời nên không xảy ra trên diện rộng.

** Khó khăn*

Vụ Đông Xuân trên địa bàn huyện có mưa vừa đến mưa to làm ngập úng diện tích lúa, diện tích gieo sạ lại 128,53 ha.

Vụ Hè Thu, đối với diện tích không đảm bảo nước tưới, hướng dẫn nông dân không thực hiện gieo sạ; thống kê trong vụ Hè thu 2021, diện tích chuyển đổi sang cây trồng cận (bao gồm dưa hấu và các loại cây rau màu) 114,6 ha, diện tích bỏ trống 96,29 ha (Phước An 29,21 ha, Phước Thành 55,67 ha, Phước Sơn: 1,22 ha, Phước Hòa: 7,26 ha, Phước Thuận 2,93 ha); thời điểm lúa trổ gặp gió Nam, thời tiết nắng nóng nên tỷ lệ hạt lép cao, từ đó làm năng suất lúa Hè Thu 2021 giảm so với Hè Thu 2020.

Trong tình hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến hết sức phức tạp, nhất là giai đoạn từ đầu tháng 7 đến nay, hoạt động các quán ăn, nhà hàng, tiệc cưới... tạm ngừng, do đó lĩnh vực sản xuất nông nghiệp cũng bị ảnh hưởng; nhiều hoạt động, dịch vụ, khó khăn về lưu thông hàng hóa, nên việc tiêu thụ sản phẩm rau xanh và các mặt hàng nông sản khác cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Giá cả các mặt hàng nông sản, thủy sản giảm, trong đó giá lúa trung bình vụ Hè Thu 2021 (6.000 – 6.200đ/kg) giảm 1.000đ – 1.200đ/kg so với Hè Thu năm

2020; tình trạng ứ ứ mặt hàng rau củ các loại gây khó khăn cho người dân và các Hợp tác xã, giá thu mua rẻ (giá rau quả 3.000-5.000đ/kg) giảm 50-60% so với cùng kì năm trước, các đơn vị tiêu thụ giảm sức mua; người dân và thương lái tham gia chuỗi tiêu thụ sản phẩm phải tuân thủ quy định của Bộ Y tế nên phát sinh thêm chi phí xét nghiệm phát hiện sớm nhiễm virus SARS-CoV-2, ... làm tăng chi phí trong sản xuất, kinh doanh và ảnh hưởng đến sản xuất của người dân.

Trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch Covid -19, UBND huyện đã ban hành văn bản số 1199/UBND-NN ngày 12/8/2021 nhằm quán triệt công tác thu hoạch lúa và cây trồng cạn vụ Hè Thu 2021 nhanh, gọn, lúa chín tới đâu thu hoạch đến đó, đồng thời lực lượng thu hoạch và các đơn vị thu mua đều phải tuân thủ khuyến cáo 5K của Bộ Y tế.

II. Kế hoạch sản xuất trồng trọt vụ Đông Xuân 2021-2022 và cả năm 2022

1. Kế hoạch gieo trồng cả năm 2022

- Cây lúa: diện tích 14.750 ha; năng suất bình quân 70,6 tạ/ha; sản lượng 104.185 tấn.

- Cây ngô: diện tích 350 ha; năng suất 61,1 tạ/ha; sản lượng 2.138 tấn.

- Cây lạc: diện tích 260 ha; năng suất 31 tạ/ha; sản lượng 806,5 tấn.

- Rau các loại: diện tích 2.150 ha; năng suất 162 tạ/ha; sản lượng 34.850 tấn.

*** Kế hoạch gieo trồng vụ Đông Xuân 2021-2022**

- Cây lúa: diện tích 7.450 ha; năng suất bình quân 75 tạ/ha; sản lượng 55.875 tấn.

- Cây ngô: diện tích 190 ha; năng suất 62 tạ/ha; sản lượng 1.178 tấn.

- Cây lạc: diện tích 210 ha; năng suất 31,5 tạ/ha; sản lượng 661,5 tấn.

- Rau các loại: diện tích 700 ha; năng suất 175 tạ/ha; sản lượng 12.250 tấn.

2. Dự kiến thời vụ và cơ cấu giống

*** Cây lúa**

Thời vụ gieo sạ vụ Đông Xuân 2021-2022 trên chân 2 vụ lúa, bắt đầu từ ngày 10/12 đến 20/12/2021.

Lúa thuần: Giống chủ lực: ĐV 108, Q5, TBR1, ĐB6, Khang dân đột biến.

Giống bổ sung: Đài Thơm 8, BC 15, Thiên ưu 8, TBR 225, TBR 45, TBR36, VTNA 2, Bắc Thịnh, Hà Phát 3, ANS1 (An sinh 1339), AN 1 (NA 6), KD 28.

Lúa lai: TH 3-3, TH 3-5.

*** Cây trồng cạn**

- Cây ngô: Cơ cấu giống: PAC 999, PAC 339, PAC 789, B265, B528, B21, SSC 131, SSC 557, PSC 747, SSC 2095, CP333, SSC568, LVN10...

Thời vụ: Tuỳ thuộc vào điều kiện thời tiết, trồng vào cuối mùa mưa, khi đất khô ráo, gieo trồng tập trung từ cuối tháng 12/2021 đến cuối tháng 01/2022.

- *Cây lạc*: Sử dụng các giống: L14, TB25, HL 25, LDH 01, Lạc sẻ, Mỏ két.

Thời vụ: Chân ruộng cao thoát nước tốt gieo trồng từ cuối tháng 11 đầu tháng 12/2021. Chân đất thấp gieo trồng từ cuối tháng 12/2021 đến cuối tháng 01/2022.

3. Kế hoạch thực hiện cánh đồng mẫu lớn, cánh đồng lớn, cánh đồng liên kết cho cây lúa

** Cả năm 2022*

- Kế hoạch diện tích cánh đồng mẫu lớn: 1.250 ha/34 cánh đồng.

- Kế hoạch cánh đồng lớn, cánh đồng liên kết: 746 ha/07 cánh đồng/vụ (duy trì mỗi vụ: 100 ha ở xã Phước Hưng, 100 ha tại xã Phước Sơn, 100 ha xã Phước Lộc, 120 ha xã Phước Quang, 100 ha xã Phước Thuận, 100 ha xã Phước Thắng, 126 ha xã Phước Hiệp).

** Đông Xuân 2021-2022*

- Kế hoạch diện tích cánh đồng mẫu lớn: 650 ha/18 cánh đồng.

- Kế hoạch cánh đồng lớn, cánh đồng liên kết: 746 ha/07 cánh đồng (duy trì: 100 ha ở xã Phước Hưng, 100 ha tại xã Phước Sơn, 100 ha xã Phước Lộc, 120 ha xã Phước Quang, 100 ha xã Phước Thuận, 100 ha xã Phước Thắng, 126 ha xã Phước Hiệp).

4. Các giải pháp chỉ đạo sản xuất thích ứng với tình hình dịch bệnh Covid-19

Thực hiện đồng bộ các giải pháp kỹ thuật: Lịch thời vụ, cơ cấu giống và mật độ gieo sạ.

Tổ chức ra quân diệt chuột ngay trong mùa mưa (cao điểm tháng 11 – 12) đối với vụ Đông Xuân 2021-2022, đầu vụ Hè Thu 2022, sau khi thu hoạch xong lúa Đông Xuân bằng các hình thức phát động phong trào ra quân diệt chuột (đào bắt, thu mua đuôi chuột ...).

Vệ sinh đồng ruộng, làm đất, cày ngâm đúng quy trình để hạn chế sâu bệnh.

Tiếp tục tập trung chỉ đạo sản xuất cánh đồng mẫu lớn, trong đó chú trọng mở rộng xây dựng cánh đồng mẫu lớn theo chuỗi liên kết với doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm.

Triển khai thực hiện Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về Ban hành quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2019-2025; Quyết định số 2679/QĐ-UBND ngày 06/7/2020 của UBND tỉnh phê duyệt hỗ trợ Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa giống tại xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định và Quyết định số 3694/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 của UBND tỉnh Bình Định về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2679/QĐ-UBND, ngày 06/7/2020; Quyết định số 2681/QĐ-UBND ngày 06/7/2020 của UBND tỉnh phê duyệt hỗ trợ Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa giống tại xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định và Quyết định số 3693/QĐ-UBND 08/9/2020 của UBND tỉnh Bình Định về sửa đổi, bổ sung Quyết định số

2681/QĐ-UBND ngày 06/7/2020; Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 07/01/2021 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt hỗ trợ Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa giống tại xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Khuyến khích các doanh nghiệp liên kết với các HTX, hộ nông dân xây dựng các vùng nguyên liệu ổn định, bền vững theo Dự án Liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn.

Trong quá trình thực hiện các khâu sản xuất, người dân và doanh nghiệp liên kết sản xuất, lực lượng thu hoạch... đều phải tuân thủ khuyến cáo 5K của Bộ Y tế nhằm đảm bảo an toàn trong công tác phòng chống dịch Covid-19.

III. Kiến nghị, đề xuất

- Do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn ra phức tạp trên địa bàn tỉnh nói chung và địa bàn huyện Tuy Phước nói riêng nên việc sản xuất và liên kết sản xuất giống lúa gặp khó khăn, vụ Đông Xuân 2020-2021 giá thóc thị tăng cao, việc vận chuyển và thị trường tiêu thụ lúa giống gặp khó khăn nên thu mua lúa giống ở 2 HTXNN Phước Thuận và Phước Thắng đạt thấp; UBND tỉnh không hỗ trợ giống và vật tư cho nông dân theo Đề án liên kết được UBND tỉnh phê duyệt, gây rất khó khăn cho hoạt động HTXNN. Vì vậy, đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Sở Tài chính kiến nghị UBND tỉnh xem xét giải quyết hỗ trợ vì giống và vật tư nông nghiệp HTXNN đã cấp phát ngay từ đầu vụ cho các thành viên tham gia nên HTX không thể thu hồi từ xã viên được.

- Đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT làm việc với các công ty, đơn vị liên kết giống có kế hoạch hợp đồng ngay từ đầu vụ để các HTX NN chủ động triển khai thực hiện.

- Sở Nông nghiệp và PTNT có kế hoạch kiểm tra và làm việc với Công ty Khai thác công trình thủy lợi tiến hành nạo vét các tuyến kênh tưới tiêu và xử lý bèo lục bình trên các trục kênh tiêu trước khi bước vào vụ sản xuất.

Trên đây là báo cáo về tình hình sản xuất nông nghiệp năm 2021, kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân 2021-2022 và cả năm 2022. UBND huyện báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quan tâm, xem xét./.

Nơi nhận:

- Sở NN &PTNT Bình Định;
- Chi cục Trồng trọt và BVTV Bình Định;
- CT, PCT UBND huyện (đ/c Xuân);
- Phòng Nông nghiệp & PTNT;
- CVP, PCVP – 2, CVVP (K1);
- Lưu: VT.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Xuân

PHỤ LỤC 1**Kết quả sản xuất trồng trọt năm 2021 và kế hoạch năm 2022***(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /10/2021 của UBND huyện Tuy Phước)*

Stt	Vụ sản xuất/cây trồng	Thực hiện năm 2021			Kế hoạch năm 2022			Ghi chú
		Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	
I	Vụ Đông Xuân							
1	Cây lúa	7.614,4	75,5	57.492	7.450	75	55.875	
1.1	<i>Diện tích sản xuất 1 vụ (sạ cưỡng)</i>							
1.2	<i>Diện tích sản xuất 3 vụ/năm</i>							
1.3	<i>Diện tích sản xuất 2 vụ/năm</i>	7.614,4	75,5	57.492	7.450	75	55.875	
-	<i>Lúa lai</i>	163,8	63	1.031,9	160	63	1.088	
-	<i>Sản xuất lúa giống</i>	1.096,8	77,5	8.500	1.000	77	7.700	
2	Cây ngô	191,8	62,5	1.198,8	190	62	1.178	
3	Cây lạc	216,5	31,7	687	210	31,5	661,5	
4	Đậu tương	7,1	25,5	18,1	10	25	25	
5	Rau các loại	693,2	174,8	12.114,5	700	175	12.250	
-	<i>Dưa hấu</i>							
-	<i>Cây hành</i>							
6	Đậu các loại	9	14	12,6	10	14	14	
7	Cây sắn	17	194,4	330,5	15	195	293	
8	Cây mía (cả năm)							
9	Cây ớt							
II	Vụ Hè Thu							
1	Cây lúa	7.316,2	66,5	48.645,7	7.300	66	48.310	
1.1	<i>Lúa Hè</i>	604,3	56,6	3.420	600	57	3.420	
1.2	<i>Lúa Thu</i>	6.711,9	67,4	45.225,7	6.700	67	44.890	

Stt	Vụ sản xuất/cây trồng	Thực hiện năm 2021			Kế hoạch năm 2022			Ghi chú
		Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	
-	Lúa lai	109,78	61	669,7	110	61	671	
-	Sản xuất lúa giống	148	68,5	1.013,8	250	68	1.700	
2	Cây ngô	164,3	60	985,8	160	60	960	
3	Cây lạc	49,83	29,5	147	50	29	145	
4	Cây mè	108,7	11,17	121,4	110	11	121	
5	Rau các loại	761,2	187,16	14.246,8	750	180	13.500	
-	Dưa hấu							
-	Cây hành							
6	Đậu các loại	42,5	12,4	52,6	40	12	48	
7	Cây sắn							
III	Vụ Mùa							
1	Cây lúa							
1.1	Lúa sạ vụ 3							
1.2	Lúa gieo khô							
2	Cây ngô							
3	Cây lạc							
4	Rau các loại	689,2	130,6	9.000	700	130	9.100	
-	Dưa hấu							
-	Cây hành							
-	Cây kiệu							
5	Đậu các loại							

PHỤ LỤC 2**Kết quả thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ, cánh đồng mẫu lớn năm 2021 và kế hoạch thực hiện năm 2022***(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /10/2021 của UBND huyện Tuy Phước)*

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2021			Kế hoạch năm 2022			Ghi chú
			Đông xuân	Hè Thu	Vụ Mùa	Đông xuân	Hè Thu	Vụ Mùa	
1	Chuyển đổi cây trồng cạn trên đất lúa	Ha							
	<i>Trong đó: Chuyển đổi sang các cây trồng:</i>								
	- Ngô	Ha							
	- Lạc	Ha							
	- Mè	Ha							
	- Đậu đỗ	Ha							
	- Cỏ chăn nuôi	Ha							
	- Rau màu	Ha							
2	Chuyển đổi cây trồng cạn trên đất trồng mía	Ha							
3	Chuyển đổi cây trồng cạn trên đất trồng sắn	Ha							
4	Chuyển đổi sản xuất từ 3 vụ lúa sang 2 vụ lúa/năm	Ha							
5	Thực hiện dự án liên kết, cánh đồng mẫu lớn	Ha							
5.1	Cánh đồng lớn, dự án liên kết đã phê duyệt	Ha	746	746		746	746		
	- Số lượng	Cánh đồng	7	7		7	7		
	- Tổng diện tích	Ha	746	746		746	746		
	- Số hộ tham gia	Hộ	3.338	3.338					

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2021			Kế hoạch năm 2022			Ghi chú
			Đông xuân	Hè Thu	Vụ Mùa	Đông xuân	Hè Thu	Vụ Mùa	
5.2	Cánh đồng mẫu lớn cây lúa	ha	653,4	594,2		650	600		
	- Số lượng	Cánh đồng	18	16		18	16		
	<i>Trong đó: liên kết sản xuất giống</i>	<i>Cánh đồng</i>							
	- Tổng diện tích	Ha							
	<i>Trong đó: liên kết sản xuất giống</i>	<i>Ha</i>							
	- Số hộ tham gia	Hộ							
5.3	Cánh đồng mẫu lớn cây trồng cạn	Ha							
	- Số lượng	Cánh đồng							
	- Tổng diện tích	Ha							
	- Số hộ tham gia	Hộ							